

Bản án số: 90/2024/DS-PT

Ngày: 06 - 8- 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng đặt
cọc và đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Thịnh

Các Thẩm phán: ông Phạm Quốc Bảo

bà Võ Thị Minh Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đỗ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Quang Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số E T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng;

- Bị đơn: bà Đoàn Thị Thúy T1, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: Số D N, quận H, thành phố Đà Nẵng;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị Hồng Y, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số D, đường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Nguyễn Bá N, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số E T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người kháng cáo: bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 30/3/2021, bà Phạm Thị T và bà Đoàn Thị Thúy T1 lập hợp đồng đặt cọc để đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng một phần thửa đất số 1522, tờ bản đồ số 01 tại thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Cụ thể: bà Đoàn Thị Thúy T1 chuyển nhượng cho bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Bá N diện tích 366,6m² đất nằm trong thửa đất số 1522, tờ bản đồ số 01, gồm 200m² đất ở và 166,6m² đất trồng cây lâu năm với giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Số tiền đặt cọc ngày 30/3/2021 là 100.000.000 đồng, đã thanh toán đủ. Còn lại 400.000.000 đồng chia làm 2 đợt, đợt đặt cọc lần 2 là ngày 09/4/2021 và đợt đặt cọc lần 3 là ngày 19/4/2021, mỗi

lần 200.000.000 đồng. Thời hạn giao kết hợp đồng có công chứng là không quá 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đặt cọc. Bà Đoàn Thị Thúy T1 chịu trách nhiệm đăng ký tách thửa, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Bá N trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày đặt cọc. Các bên không được mua bán, chuyển nhượng cho bất kỳ người thứ ba nào khác. Nếu bên đặt cọc phá hủy hợp đồng thì sẽ chịu mất tiền cọc, còn bên nhận đặt cọc vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận thì bị phạt cọc gấp đôi số tiền đặt cọc.

Ngày 01/4/2021, bà Đoàn Thị Thúy T1 nhắn tin cho bà Phạm Thị T thông báo có người hỏi mua đất với giá cao hơn và đề nghị bán đất nhưng bà Phạm Thị T không đồng ý. Do mâu thuẫn cá nhân, ngày 02/4/2021, bà Đoàn Thị Thúy T1 tuyên bố không bán đất cho bà Phạm Thị T nữa. Ngày 07/4/2021, bà Phạm Thị T có gửi thông báo cho bà Đoàn Thị Thúy T1 đề nghị đến Phòng C thành phố Đà Nẵng để đặt cọc lần 2 vào ngày 09/4/2021 nhưng bà Đoàn Thị Thúy T1 không đến. Lo sợ bà Đoàn Thị Thúy T1 chuyển nhượng đất cho người khác, nên bà Phạm Thị T đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng đặt cọc tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu đồng thời gửi văn bản đề nghị tạm dừng việc giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1522 cho UBND xã Đ và các cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai huyện Đ.

Tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn cho rằng hợp đồng đặt cọc vô hiệu cả về hình thức và nội dung, vì hợp đồng đặt cọc có 4 chủ thể tham gia nhưng chỉ có 02 người ký tên, đối tượng hợp đồng là tiền cọc chỉ có 100.000.000 đồng nhưng phương thức đặt cọc lại thỏa thuận 03 lần thanh toán tiền bằng tổng giá trị đất chuyển nhượng là mâu thuẫn. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 30/3/2021 vô hiệu toàn bộ và đề nghị Tòa giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cho rằng giao dịch đặt cọc giữa hai bên vào ngày 30/3/2021 có hiệu lực nhưng cả hai bên có lỗi làm cho hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thực hiện được, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hủy bỏ hợp đồng đặt cọc ngày 30/3/2021 và buộc bà Đoàn Thị Thúy T1 hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng, tiền phí lập thủ tục chuyển nhượng là 14.000.000 đồng, tổng cộng là 114.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn Đoàn Thị Thúy T1 trình bày:

Thửa đất số 1522, tờ bản đồ số 01 (tổng diện tích là 500m²) tại thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam do chị ruột bà là Đoàn Thị Hồng Y làm chủ sử dụng và đã chuyển nhượng cho bà Đoàn Thị Thúy T1 bằng văn bản viết tay. Ngày 30/3/2021, bà có cho bà Phạm Thị T xem toàn bộ hồ sơ pháp lý về đất đai, đồng thời qua điện thoại bà Y đã trực tiếp xác nhận đất đã chuyển nhượng cho bà. Hai bên thỏa thuận bà Đoàn Thị Thúy T1 tách thửa đất số 1522 thành 03 thửa và chuyển nhượng cho bà Phạm Thị T 02 thửa với diện tích 366,6m² (gồm 200m² đất ở và 166,6m² đất trồng cây lâu năm) trong thửa đất số 1522, tờ bản đồ số 01 nêu trên với giá 500.000.000 đồng. Hai bên ký hợp đồng đặt cọc để đảm bảo thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Số tiền đặt cọc ngày 30/3/2021 là 100.000.000 đồng, bà đã nhận đủ. Còn 400.000.000 đồng là giá trị còn lại của hợp đồng, được thống nhất thanh toán vào ngày 09/4/2021 với số tiền 200.000.000 đồng và hạn cuối vào ngày 19/4/2021 thanh toán 200.000.000

đồng còn lại. Thời hạn giao kết hợp đồng có công chứng là 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đặt cọc. Hợp đồng đặt cọc do bà Phạm Thị T dự thảo và viết tay sửa chữa, còn bà chỉ ký xác nhận các nội dung thay đổi. Ngoài ra, bà Phạm Thị T còn chuyển khoản cho bà 14.000.000 đồng chi phí tách thửa, sang tên.

Sau khi nhận đặt cọc, có người hỏi bà để mua lại lô đất này giá cao hơn nên bà có nhắn tin thông báo cho bà Phạm Thị T biết.

Ngày 08/4/2021, bà nhận được Giấy báo của bà Phạm Thị T lập ngày 07/4/2021, yêu cầu bà vào ngày 09/4/2021 đến Văn phòng C1 Đà Nẵng để tiếp tục thực hiện việc *ký hợp đồng đặt cọc lần 2*, đồng thời chặn số điện thoại liên lạc của bà mà không thanh toán tiền đặt cọc lần 2 như thỏa thuận. Bên cạnh đó, cán bộ địa chính xã Đ thông báo cho bà về việc bà Phạm Thị T đã có đơn đề nghị dừng giải quyết thủ tục hành chính đối với thửa đất số 1522 nên toàn bộ thủ tục tách thửa, sang tên không thực hiện được.

Bà Đoàn Thị Thúy T1 cho rằng bà chỉ trực tiếp giao dịch với bà Phạm Thị T mà hoàn toàn không biết ông Nguyễn Bá N là ai. Tên người nhận chuyển nhượng là do bà Phạm Thị T đề xuất, tiền do bà Phạm Thị T trực tiếp thanh toán toàn bộ. Bà chỉ ghi nhận tên người được nhận chuyển nhượng theo ý kiến của bên đặt cọc. Vì vậy, thỏa thuận đặt cọc là có thật và hoàn toàn có giá trị pháp lý. Nhưng bà Phạm Thị T hoàn toàn có lỗi làm cho hợp đồng không thực hiện được.

Hơn nữa ngày 15/4/2021, bà Phạm Thị T đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng đặt cọc tại Toà án nhân dân quận Hải Châu. Nhưng sau đó bà Phạm Thị T rút đơn khởi kiện, Toà án nhân dân quận Hải Châu đình chỉ vụ án theo Quyết định số 31/2021/QĐST-DS ngày 25/6/2021. Đến ngày 04/10/2021, bà Phạm Thị T khởi kiện lại vụ án cùng nội dung nhưng Toà án nhân dân quận Hải Châu thụ lý lại vụ án và chuyển cho Toà án nhân dân huyện Đại Lộc giải quyết là không đúng vì vụ án đã được giải quyết xong.

Vì vậy bà Đoàn Thị Thúy T1 không đồng ý yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, không đồng ý trả lại số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả cho bà Phạm Thị T, chỉ đồng ý trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền 14.000.000 đồng chi phí tách thửa, sang tên.

Tại hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Hồng Y trình bày: Ngày 10/01/2021, bà Y có viết “*Giấy bán đất*” viết tay để chuyển nhượng thửa đất số 1522, tờ bản đồ số 01 tại thôn D, xã Đ cho em gái ruột là Đoàn Thị Thúy T1 với giá 670.000.000 đồng. Bà Y đã nhận đủ số tiền này và giao Giấy CNQSD đất bản gốc cho bà T1 đồng thời cam kết sẽ ký tất cả các thủ tục liên quan đến thửa đất mà sau này bà T1 yêu cầu, nếu vi phạm bà Y sẽ đền gấp đôi số tiền đã nhận.

Ngày 30/3/2021, bà Đoàn Thị Thúy T1 điện thoại cho bà Y (*mở loa ngoài*) để bà Phạm Thị T cùng xác nhận về việc bà Y đã bán thửa đất trên cho bà Đoàn Thị Thúy T1. Bà Y hoàn toàn đồng ý việc hai bà Đoàn Thị Thúy T1 và Phạm Thị T đặt cọc mua bán đất. Nay bà Y không có yêu cầu gì về thửa đất đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà. Mọi văn bản liên quan đến bà Y yêu cầu Tòa giao cho em bà là Đoàn Thị Thúy T1 nhận thay.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá N trình bày: ông N có thỏa thuận góp tiền với bà Phạm Thị T để mua đất của bà Đoàn Thị Thúy T1, nhưng mọi vấn đề đặt cọc, thỏa thuận với bên mua đều do bà Phạm Thị T trực tiếp liên hệ và thực hiện với bà Đoàn Thị Thúy T1. Nay ông thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T và đề nghị Tòa giải quyết vụ án vắng mặt ông N.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 328 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc hủy bỏ hợp đồng đặt cọc ngày 30/3/2021.

Buộc bà Đoàn Thị Thúy T1 hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng và tiền chi phí để tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất là 14.000.000 đồng, tổng cộng là 114.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/5/2024 bà Đoàn Thị Thúy T1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm 98/2023/DS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, theo đúng các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này đã có lời trình bày trong hồ sơ

vụ án và đồng thời đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1 không rút đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1:

[2.1]. Về tố tụng

Về thời hạn kháng cáo: Tại Quyết định số 03/2024/QĐ-PT ngày 14/6/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1, nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc đã có những sai sót sau:

Sai sót về tố tụng:

[2.1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không đầy đủ:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị T yêu cầu: tuyên bố hủy bỏ hợp đồng đặt cọc ngày 30/3/2021 buộc bà Đoàn Thị Thúy T1 hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và trả tiền phí lập thủ tục chuyển nhượng là 14.000.000 đồng, tổng cộng là 114.000.000 đồng. Như vậy, ngoài quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” bà Phạm Thị T còn đòi bà Đoàn Thị Thúy T1 hoàn trả tiền phí lập thủ tục chuyển nhượng là 14.000.000 đồng và đây là quan hệ “*Đòi lại tài sản*”. Mặc dù, Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc vẫn giải quyết nhưng không xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là thiếu sót.

[2.1.2] Niêm yết không đúng địa chỉ của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 02/2023/QĐST-DS ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc không tiến hành xác minh bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1 có còn tạm trú tại thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam không?

Trong khi đó theo các tài liệu Sổ tạm trú (BL 81) do Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thu thập thể hiện: bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1 được tạm trú tại thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đến ngày 03/6/2023.

Tại Biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án (BL 345) do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đại Lộc lập ngày 17/4/2024 Công an xã Đ, huyện Đ đã cung cấp thông tin: bà Đoàn Thị Thúy T1, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: Số D N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Trước đây bà Đoàn Thị Thúy T1 có đăng ký tạm trú: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Nay bà Đoàn Thị Thúy T1 đã hết hạn đăng ký tạm trú vào ngày 03/6/2023.

Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc thực hiện việc niêm yết tại thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam khi bà Đoàn Thị Thúy T1 đã hết hạn đăng ký tạm trú là niêm yết không đúng địa chỉ của bị đơn.

Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc có gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bà Đoàn Thị Thúy T1 qua bưu điện (BL 277) nhưng người nhận không phải là bà Đoàn Thị Thúy T1, nên tổng đạt không hợp lệ.

Do Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc niêm yết không đúng địa chỉ của bị đơn và tổng đạt không hợp lệ nhưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1 là không đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

Do cấp sơ thẩm sai sót về tố tụng, nên cấp phúc thẩm chưa xem xét về mặt nội dung.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Bản án sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1 hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, theo đúng các quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá: Sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bà Đoàn Thị Thúy T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị Thúy T1, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, theo đúng các quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị Thúy T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị Thúy T1 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0016753 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/8/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Đại Lộc;
- CCTHADS huyện Đại Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

"Đã ký"

Nguyễn Hữu Thịnh

